TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín .

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-DS ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN "V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án").

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023). Ông V1 có mặt

* *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn T2- sinh năm 1977; địa chỉ: thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A) trình bày:*

Ngày 09/8/2016, bà Phạm Thị T1 cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn T2 có ký kết sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4509LAV201601446 tại A – Chi nhánh huyện B, với số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để nuôi trâu. Khoản vay không có tài sản bảo đảm, phù hợp theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 và ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/09/2025, tổng số tiền còn nợ Ngân hàng là 115.498.525 đồng, trong đó: Nợ gốc: 85.000.000 đồng; Nợ lãi: 30.498.525 đồng (toàn bộ là nợ quá hạn).

Mặc dù A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 và ông T2 chỉ hứa hẹn, không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Do đó, A khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

1. Buộc bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 phải thanh toán cho A toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 115.498.525 đồng, (trong đó: Nợ gốc: 85.000.000 đồng; Nợ lãi: 30. 498.525 đồng).

2. Buộc bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4509LAV201601446 kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

* *Bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày*: Bà thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi và đã nhận số tiền vay như Ngân hàng khởi kiện. Đến nay bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi như phía nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bà chưa có khả năng trả nợ đúng hạn. Bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, xin xét xử theo quy định pháp luật.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T2:* Sau khi khởi kiện, ông T2 đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện không xác định được nơi cư trú và

thời điểm trở về. Do đó, Tòa án không có cơ sở để ghi nhận lời khai, ý kiến của ông T2 trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B (A) với bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 phát sinh từ hợp đồng tín dụng ký ngày 09/8/2016. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc loại "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bà Phạm Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Phạm Văn T2 đã rời khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú và thời điểm trở về; Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng ông T2 vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 và ông T2.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn A xuất trình hợp đồng tín dụng số 4509LAV201601446 ngày 09/8/2016 và các tài liệu chứng cứ khác chứng minh bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 vay của A số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/năm, thời hạn 60 tháng, mục đích vay để nuôi trâu.

Bà Phạm Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án đã thừa nhận việc vay vốn và thừa nhận còn nợ A số tiền như nguyên đơn trình bày. Sự thừa nhận này phù hợp với chứng cứ A cung cấp nên có căn cứ để xác định: tính đến ngày 26/9/2025, dư nợ còn lại của khoản vay là 115.498.525 đồng, (trong đó: Nợ gốc: 85.000.000 đồng; Nợ lãi: 30. 498.525 đồng).

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản có nghĩa vụ hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và lãi suất thỏa thuận. Theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017), tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất phù hợp quy định pháp luật. Lãi suất 10%/năm trong hợp đồng không vượt quá giới hạn 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó thỏa thuận lãi suất là hợp pháp.

Việc bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm phát sinh quyền khởi kiện của A. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả nợ gốc và lãi cho A là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về lãi phát sinh: Đối với yêu cầu của A buộc bà T1 và ông T2 phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc 85.000.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, đây là yêu cầu phù hợp với quy định và thỏa thuận hợp pháp giữa các bên, cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Hợp đồng tín dụng thể hiện cả bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 cùng ký vay, cùng là chủ thể có nghĩa vụ với A. Theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, trong trường hợp nhiều người cùng có nghĩa vụ thì phải thực hiện nghĩa vụ liên đới, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do vậy, bà T1 và ông T2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi.

2. Buộc bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 phải liên đới trả cho A – Chi nhánh huyện B tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 115.498.525 đồng (một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn năm hai mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 85.000.000 đồng; Nợ lãi còn phải trả: 30.498.525 đồng.

3. Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát

sinh trên số dư nợ gốc 85.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4509LAV201601446 ngày 09/8/2016, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T1 và ông Phạm Văn T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 5.775.000 đồng (năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngân hàng N (A) – Chi nhánh huyện B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho A số tiền 3.902.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001613 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Ngoan